

LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ

QUYỂN 23

Phẩm 6: PHÂN BIỆT HIỀN THÁNH (PHẦN 2)

Trên đây đã nói về hai cửa dẫn vào đường tu. Sau khi đã đắc định nhờ vào hai cửa này, hành giả tiếp tục tu tập gì nữa?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Y dĩ tu thành chỉ
Vi quán tu niệm trụ
Dĩ tự tướng cộng tướng
Quán thân thọ tâm pháp
Tự tánh văn đẳng tuệ
Dư tương tạp sở duyên
Thuyết thứ đệ tùy sinh
Trị đảo cố duy tứ.*

Dịch nghĩa:

*Nương vào “chỉ” đã tu
Quán bằng cách trụ niệm
Dùng tự tướng, cộng tướng
Quán thân, thọ, tâm, pháp
Trụ tự tánh, văn tuệ v.v...
Trụ sở duyên, tương tạp
Nói thứ tự sinh khởi
Trị điên đảo, có bốn.*

(Nương vào chỉ đã được tu thành để tu quán bằng các niệm trụ. Dùng tự tướng và cộng tướng quán thân, thọ, tâm, pháp. Niệm trụ tự tánh là văn tuệ v.v... Còn lại niệm trụ tương tạp và niệm trụ đối tượng duyên. Thứ tự của chúng là thứ tự chúng sinh khởi để đối trị điên đảo nên chỉ có bốn loại).

Luận: Sau khi đã đắc định, hành giả sẽ tu các niệm trụ để đắc

quán.

Hỏi: Tu các niệm trụ như thế nào?

Đáp: Tu bằng cách quán sát các tính chất riêng (tự tướng) và các tính chất chung (cộng tướng) của thân, của thọ, của tâm và của các pháp.

Tự tướng chính là thể tánh riêng (tự tánh).

Cộng tướng tức là “Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, tất cả các pháp hữu lậu đều khổ, tất cả các pháp đều trống không và vô ngã”.

Tự tánh của thân là các đại chủng và sắc pháp được tạo thành từ các đại chủng này (sắc được tạo).

Tự tánh của tự tánh của thọ, tâm như tên gọi của nó đã nêu rõ. “pháp” là để chỉ cho các pháp không phải thân, thọ hoặc tâm.

Theo truyền thuyết thì thân niệm trụ được tu tập hoàn mãn khi hành giả đắc định quán sát các cực vi và các sát-na kế tiếp nhau ở trong thân.

Hỏi: Thể của các niệm trụ là gì?

Đáp: Có ba loại: niệm trụ tự tánh, niệm trụ tương tạp, và niệm trụ đối tượng duyên.

Niệm trụ tự tánh chính là tuệ.

Hỏi: Đó là loại tuệ gì?

Đáp: Là loại tuệ xuất phát từ sự nghe (văn sở thành), sự suy nghĩ (tư sở thành) và sự định tâm (tu sở thành). Niệm trụ cũng có ba loại như vậy, tức niệm trụ do văn thành tựu, do tư thành tựu và do tu thành tựu.

Niệm trụ tương tạp là các pháp khác, tức các pháp không phải là tuệ mà chỉ tương ứng với tuệ.

Khi các pháp này là cảnh nơi đối tượng duyên của tuệ và là các pháp cùng khởi với tuệ (nói cách khác khi chúng là đối tượng duyên của niệm trụ tự tánh và niệm trụ tương tạp) thì chúng là niệm trụ đối tượng duyên.

Hỏi: Làm sao biết được niệm trụ tự tánh chính là tuệ?

Đáp: Vì kinh nói: “Tuần tự quán sát thân ở nơi thân gọi là thân niệm trụ”.

Hỏi: Tuần tự quán sát là gì?

Đáp: Đó là tuệ. Thật vậy, khi nói tuệ tức hàm ý những ai có tuệ thì sẽ trở thành người có sự tuần tự quán sát. Từ ngữ “người tuần tự quán sát thân” được giải thích như sau: người nào thành tựu sự “tuần tự quán sát” hoặc sự “nhìn thấy” (kiến) thì gọi là người “tuần quán”, người nào

có sự tuần quán đối với thân thì được gọi là “tuần thân quán giả”.

Hỏi: Tại sao tuệ là niệm trụ?

Đáp: Các luận sư Tỳ-bà-sa nói: “Là vì vai trò ưu việt của niệm, (tức khả năng hiển bày cảnh nơi đối tượng duyên cho tuệ), cũng giống như sự góp sức của một cái nêm trong việc xẻ gỗ, chính nhờ có lực của niệm mà tuệ có thể chuyển động đối với cảnh do tuệ, vì thế tuệ chính là niệm trụ, có nghĩa là làm cho niệm được đứng vững. Thật vậy, sự vật được tuệ nhìn thấy theo cách nào thì nó cũng sẽ được “biểu thị” theo cách đó, có nghĩa là sẽ được niệm nắm bắt theo cách đó. Vì thế Tôn giả Vô Diệt nói: “Nếu ở nơi thân thường tuần tự quán sát thân thì loại niệm có thân làm đối tượng duyên này (duyên thân niệm) sẽ được an trụ”. Đức Thế Tôn cũng nói: “Nếu trụ ở thân tuần tự quán sát thân thì niệm được an trụ và không bị suy yếu”.

Vấn nạn: Nhưng có kinh có nói: “Này các ông sự tập hợp và sự tán diệt của các niệm trụ xảy ra như thế nào? Nhờ vào sự tập hợp của thức ăn, sự tập hợp của thân, do sự tán diệt của thức ăn, sự tán diệt của thân, nhờ sự tập hợp của xúc, sự tập hợp của thọ..., nhờ sự tập hợp của danh sắc..., nhờ sự tập hợp của tác ý...”. Như vậy, các niệm trụ chính là thân v.v...

Trả lời: Trong kinh này, loại niệm trụ được nói đến không phải là niệm trụ tự tánh mà là niệm trụ đối tượng duyên: niệm được gắn chặt ở đó cho nên đó chính là niệm trụ. Tên gọi khác nhau là do cảnh nơi đối tượng duyên.

Mỗi niệm trụ đều có ba loại tùy theo cảnh nơi đối tượng duyên được xem xét là chính mình, người khác hay cả chính mình và người khác. (Hành giả quán sát thân mình, thân người khác v.v...).

Thứ tự của các niệm trụ là thứ tự chúng sinh khởi.

Hỏi: Tại sao sự sinh khởi của chúng lại theo thứ tự này?

Đáp: Theo Tỳ-bà-sa, vì những gì thô hiển hơn thì được quán trước. Như thân là chỗ chuyển của các nên quán trước. Nhưng tham ở thân là do ưa thích dục tham sự tham muốn cảm thọ nên tiếp quán thọ. Sở dĩ có sự tham ưa thích này là do tâm. không được điều hòa nên tiếp quán tâm. Sở dĩ tâm không được điều hòa là vì các phiền não chưa đoạn được, nên cuối cùng quán pháp.

Theo thứ tự này, các niệm trụ được đề ra để đối trị bốn loại tin tưởng điên đảo vào sự thanh tịnh, sự an lạc, sự thường hằng, và vào chính mình (tịnh, lạc, thường, ngã). Vì thế chỉ có bốn loại niệm trụ, không nhiều hơn mà cũng không ít hơn.

Trong bốn niệm trụ này, ba loại có đối tượng duyên không tạp loạn, loại thứ tư gồm cả hai loại: khi chỉ duyên các pháp thì đối tượng duyên của nó không tạp loạn, khi duyên cùng lúc hai, ba, bốn pháp thì đối tượng duyên của nó là tạp loạn.

Hỏi: Sau khi đã tu các niệm trụ có đối tượng duyên là thân v.v..., hành giả sẽ tu tiếp cái gì nữa?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Bỉ cư pháp niệm trụ
Tống quán tứ sở duyên
Tu phi thường cập khổ
Không phi ngã hành tướng.*

Dịch nghĩa:

*Người trụ pháp niệm trụ
Quán chung bốn sở duyên
Tu vô thường và khổ
Không và tướng vô ngã.*

(Hành giả trụ ở pháp niệm trụ quán chung bốn đối tượng duyên, tu các hành tướng vô thường, khổ Không, vô ngã).

Luận: Khi đang ở vào pháp niệm trụ có đối tượng duyên tạp loạn gồm thân, thọ v.v... thì hành giả quán sát các đối tượng duyên này dưới bốn hành tướng vô thường, khổ, không và vô ngã.

Hỏi: Sau khi đã tu loại quán này thì có thiện căn nào sinh khởi?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tòng thử sinh Noãn pháp
Cụ quán tứ Thánh đế
Tu thập lục hành tướng
Thứ sinh Đảnh diệt nhiên
Như thị nhị thiện căn
Giai sơ pháp hậu tứ
Thứ Nhãn duy pháp niệm
Hạ trung phẩm đồng Đảnh
Thượng duy quán dục khổ
Nhất hành nhất sát na
Thế đệ nhất diệt nhiên
Giai tuệ ngũ trừ đặc.*

Dịch nghĩa:

*Từ đây sinh pháp Noãn
Quán đủ bốn Thánh đế*

*Tu mười sáu hành tướng
Và Đánh khởi cũng thế
Hai thiện căn trên đây
Trước nương pháp trước, sau bốn
Nhẫn chỉ nương pháp niệm Phẩm
trung, hạ giống Đánh.
Phẩm thượng, quán dục khổ
Một hành, một sát-na
Thế đệ nhất cũng vậy
Năm uẩn, tuệ trừ “đắc”.*

(Tu pháp quán này sẽ sinh khởi Noãn pháp. Quán đủ bốn Thánh đế. Tu mười sáu hành tướng. Kế đó sẽ sinh khởi Đánh cũng như vậy. Hai thiện căn trên đây, lúc đầu đều nương pháp niệm trụ, về sau nương cả bốn loại. Kế đến là Nhẫn, chỉ nương pháp niệm trụ. Hạ và trung phẩm giống như Đánh. Thượng phẩm chỉ quán dục khổ, một hành tướng một sát-na. Thế đệ nhất pháp cũng vậy, đều là tuệ, năm uẩn, loại trừ đắc).

Luận: Từ quán tổng duyên cộng tướng pháp niệm trụ dần dần thành thực đến mức hoàn mãn (thượng thượng phẩm) sẽ có một thiện căn đầu tiên thuận phần quyết trạch sinh khởi, gọi tên là Noãn vì nó tương tự như hơi nóng, là hiện tướng đầu tiên của Thánh đạo, là ngọn lửa đốt cháy củi phiền não.

Noãn thiện căn có thể kéo dài trong một thời gian nên có đối tượng duyên là cả bốn Thánh đế và có khả năng tu tập mười sáu hành tướng. Quán khổ đế có bốn hành tướng là khổ, vô thường, không, vô ngã, quán tập đế có bốn hành tướng là tập, sinh, nhân, duyên, quán diệt đế có bốn hành tướng là diệt, tĩnh, diệu, ly, quán đạo đế có bốn hành tướng là đạo, như, hành, xuất. Sự khác nhau của các hành tướng này sẽ được bàn đến sau.

Noãn pháp tăng trưởng dần từ yếu, đến vừa đến mạnh, và cuối cùng đến mức thành mãn sẽ phát sinh thiện căn thứ hai là Đánh.

Giống như Noãn, Đánh cũng duyên cả bốn Thánh đế và tu mười sáu hành tướng nhưng lại mang tên gọi khác là vì tính chất thù thắng của nó.

Thiện căn này được gọi là “Đánh” hay “đầu” vì đó là thiện căn cao nhất hoặc đứng đầu trong các thiện căn “không cố định” có nghĩa là người ta có thể bị rơi xuống từ các thiện căn này, hoặc người ta có thể bị rơi xuống lần nữa từ “đỉnh” này, hoặc người ta có thể vượt qua chúng bằng cách tiến vào nhẫn.

Chính nhờ có pháp niệm trụ mà hai thiện căn Noãn và Đảnh mới có thể “in dấu” (sơ an túc).

Hỏi: “In dấu” có nghĩa là gì?

Đáp: Đó là sự gắn chặt đầu tiên mười sáu hành tướng khác nhau vào Thánh đế.

Noãn và Đảnh tăng trưởng dần thì quán đủ bốn niệm trụ. Về sau khi hành giả đã tăng tiến thì không làm hiện hữu các thiện căn đã đặc trước đó vì hành giả đã ít coi trọng chúng.

Đảnh thiện căn cũng tăng trưởng dần từ yếu, đến vừa đến mạnh, và cuối cùng lại phát sinh thiện căn thứ ba là Nhẫn.

Nhẫn được gọi tên như vậy là vì ở giai đoạn này các Thánh đế đã tạo ra một sự an lạc rất mạnh mẽ. Ở giai đoạn của Noãn, các Thánh đế chỉ tạo ra một sự an lạc yếu ớt, ở giai đoạn của Đảnh, các Thánh đế tạo ra một sự an lạc vừa phải, và chúng ta còn thấy rõ điều này qua sự việc hành giả có thể bị thoái đọa từ hai thiện căn đầu tiên nhưng không thể bị thoái đọa từ Nhẫn.

Nhẫn thiện căn cũng có ba loại: yếu, trung bình và mạnh (hạ trung thượng). Nghĩa là quán sát đủ bốn thánh đế có thể tu đầy đủ mười sáu hành tướng.

Hai loại yếu và trung bình đều giống như Đảnh vì chúng cũng là loại “in dấu đầu tiên” (sơ an túc) và đều nương vào pháp niệm trụ, nhưng lại khác với Đảnh về sự tăng trưởng.

Dù yếu, trung bình hay mạnh thì tất cả đều tăng trưởng nhờ vào pháp niệm trụ chứ không phải các niệm trụ khác.

Loại Nhẫn mạnh chỉ lấy khổ của Dục giới làm đối tượng duyên vì nối tiếp với Thế đệ nhất pháp.

Sự hạn chế này không xảy ra đối với các giai đoạn trước đó (tức Noãn và Đảnh), vì thế cả hai thiện căn này đều có đối tượng duyên là khổ, tập v.v... của ba giới.

Kể từ sát-na hành giả ngưng quán sát hành tướng thứ mười sáu vốn duyên hai giới ở trên (Sắc giới và Vô sắc giới) và tiếp tục giảm dần các hành tướng và các giới này cho đến lúc chỉ còn in dấu hai hành tướng trong hai sát-na của tâm (nhị niệm) đối với khổ đế của Dục giới thì đó là loại nhẫn trung bình (trung nhẫn vị).

Khi hành giả trong một niệm duy nhất, chỉ còn quán sát một hành tướng của khổ đế Dục giới thì đó là loại nhẫn mạnh (thượng phẩm nhẫn). Trên đây là giải thích của các luận sư Tỳ-bà-sa. Loại thiện căn này thuộc loại sát-na diệt vì thế không tạo thành chuỗi tương tục.

Đối với Thế đệ nhất pháp cũng thế. Các pháp này giống hệt như loại thượng phẩm nhãn, chỉ duyên khổ đế Dục giới và cũng thuộc loại sát-na diệt. Chúng thuộc về hữu lậu nên được gọi là “thế gian”, là pháp thù thắng nhất trong các pháp thế gian nên được gọi là “đệ nhất pháp”. Chúng là pháp tối thắng vì chỉ nương vào năng lực riêng của chúng (sĩ dụng) và mặc dù không có nhân đồng loại nhưng chúng vẫn lôi kéo được, phát khởi được con đường kiến đế (kiến đạo).

Bốn thiện căn trên đều có thể tánh là niệm trụ, vì thế chúng chính là tuệ. Tuy nhiên nếu phân tích các thiện căn này cùng với các pháp đi kèm theo (trợ bạn) thì chúng vẫn có năm uẩn.

Các pháp đắc, tức là sự hoạch đắc các thiện căn Noãn v.v... không được bao hàm trong các thiện căn Noãn v.v... này vì đã là Thánh giả thì sẽ không hiện khởi các thiện căn Noãn v.v... một lần nữa, và do đó Thánh giả sẽ không có pháp đắc của các thiện căn này.

1. Khi Noãn bắt đầu sinh khởi và duyên ba Thánh đế thì chỉ có một niệm trụ, tức pháp niệm trụ, ở hiện tại, ở vị lai thì có cả bốn niệm trụ (Một trong các hành tướng được quán sát ở hiện tại, và bốn hành tướng được tu tập ở vị lai). Khi Noãn duyên diệt đế thì cũng chỉ có pháp niệm trụ ở hiện tại và đó cũng là niệm trụ được tu tập ở vị lai. Trong tất cả các trường hợp, các hành tướng đều là các hành tướng của loại Thánh đế đang được quán sát ở hiện tại. (Người ta không đắc ở vị lai các hành tướng của các Thánh đế không phải là hiện tại).

Trong thời kỳ tăng trưởng, khi Noãn duyên ba Thánh đế thì ở hiện tại tu bất kỳ loại niệm trụ nào, ở vị lai thì có cả bốn niệm trụ. Khi Noãn duyên diệt đế thì có niệm trụ thứ tư ở hiện tại, ở vị lai thì có cả bốn niệm trụ. Tùy một hành tướng ở hiện tại, mà tu mười sáu hành tướng ở vị lai. Vì các chủng tánh đã được trước đó.

2. Về trường hợp của Đảnh, khi duyên bốn Thánh đế ở giai đoạn đầu và duyên diệt đế ở giai đoạn tăng trưởng thì có loại niệm trụ cuối cùng (pháp niệm trụ) ở hiện tại, tu vị lai có cả bốn niệm trụ, tất cả các hành tướng ở vị lai đều có. Khi duyên ba đế còn lại ở thời kỳ tăng trưởng thì đều có ở hiện tại bất kỳ loại niệm trụ nào, ở vị lai có cả bốn niệm trụ, và tất cả các hành tướng.

3. Về trường hợp của Nhãn, ở giai đoạn đầu cũng như giai đoạn tăng trưởng, dù quán sát bất kỳ Thánh đế nào thì cũng chỉ có niệm trụ cuối cùng ở hiện tại, ở vị lai có cả bốn niệm trụ, và tất cả các hành tướng. Tuy nhiên ở giai đoạn tăng trưởng, khi lược bỏ đối tượng duyên nào thì tùy theo đối tượng duyên bị lược ấy, không tu hành tướng của

nó

4. Về trường hợp của Thế đệ nhất pháp thì duyên khổ đế của cõi Dục tu niệm trụ cuối cùng ở hiện tại, ở vị lai có cả bốn niệm trụ, các niệm trụ này thuộc loại không nhất định sinh khởi (bất sinh pháp), chỉ có bốn hành tướng, tức các hành tướng của khổ đế, vì các hành tướng của các Thánh đế khác không thuộc Thế đệ nhất pháp, vì Thế đệ nhất pháp tương tự như kiến đạo, trong kiến đạo chỉ tu được ở vị lai bốn hành tướng của loại Thánh đế được quán sát dưới cùng một hành tướng.

Trên đây đã nói về thể tướng của các thiện căn đã sinh, tiếp theo là phần bàn về các điểm khác nhau của chúng:

Tụng nói: (Âm Hán)

*Thử thuận quyết trạch phân
Tứ giai tu sở thành
Lục địa nhị hoặc thất
Y Dục giới thân cửu
Tam nữ nam đắc nhị
Đệ tứ nữ diệc nhĩ
Thánh do thất địa xả
Dị sinh do mạng chung
Sơ nhị diệc thoái xả
Y bản tất kiến đế
Xả dĩ đắc phi tiên
Nhị xả tánh phi đắc.*

Dịch nghĩa:

*Thuận phân quyết trạch này
Bốn thứ nhờ tu thành
Sáu địa, hai hoặc bảy
Nương thân Dục giới chín
Ba loại được nữ, nam Thứ
tư nữ cũng vậy
Bậc Thánh xả mất địa
Dị sinh do mạng chung
Sơ, nhị cũng thoái xả
Nương gốc định kiến đế
Xả không được địa trước
Tánh hai xả chẳng đắc.*

(Bốn thuận phân quyết trạch này đều do tu thành tựu ở sáu địa, hai loại hoặc ở bảy địa. Nương thân Dục giới, chín xứ. Ba loại đều

được ở hai thân nam nữ. Loại thứ tư đối với nữ nhân cũng thế. Thánh giả xả khi bỏ mất địa. Dị sinh xả khi mạng chung. Loại thứ nhất và thứ hai bị thoái thất hoặc được xả bỏ. Nương định căn bản tất thấy được các đế. Xả rồi mà được lại không phải là cái cũ. Tánh của hai loại xả đều là phi đặc).

Luận: Bốn pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế đệ nhất pháp là các thiện căn có tên là thuận phần quyết trạch.

Noãn và Đảnh là loại không cố định và vì có thể bị thoái thất cho nên chúng chỉ là loại thuận phần quyết trạch yếu ớt, Nhẫn là loại trung bình, và Thế đệ nhất pháp là loại mạnh nhất.

Hỏi: Phần quyết trạch là gì?

Đáp: 1. Quyết trạch có nghĩa là quyết đoạn giản trạch, vì thế đó chính là Thánh đạo. Nhờ có Thánh đạo, nghi mới được đoạn trừ vì thế Thánh đạo là “quyết đoạn”, và các đế mới được phân biệt: “Đây chính là khổ... đây chính là đạo”; 2. Kiến đạo là một phần của Thánh đạo, vì thế kiến đạo cũng là phần quyết trạch.

Phần quyết trạch là các pháp có ích cho một phần của Thánh đạo và chúng dẫn dắt Thánh đạo.

Tất cả bốn phần quyết trạch này đều sinh từ định (tu sở thành) chứ không phải văn hoặc tư.

Các địa của chúng là định vị chí, trung gian định và bốn tầng thiền: chúng chỉ đạt được trong sáu giai đoạn này của thiền định. Chúng không hiện hữu ở các địa thuộc Vô sắc giới vì chúng là các pháp trợ bạn của kiến đạo. Kiến đạo không có ở Vô sắc giới vì kiến đạo chỉ duyên Dục giới: hành giả trước tiên phải biết rõ và đoạn trừ Dục giới vốn được xem như khổ và tập.

Quả báo dị thực của các phần quyết trạch bao gồm năm uẩn của Sắc giới. Chúng thuộc loại mãn nghiệp chứ không phải dẫn nghiệp vì chúng chán ghét sự hiện hữu.

Chữ “hoặc” nhằm chỉ cho một ý kiến khác. Theo Tôn giả Diệu Âm, hai phần quyết trạch đầu tiên có ở cả bảy địa, tức cộng thêm Dục giới.

Tất cả bốn thiện căn đều thuộc về thân chúng sinh cõi Dục. Ba thiện căn đầu chỉ sinh khởi được ở loài người của ba châu. Một khi đã sinh khởi thì chúng có thể được làm cho hiện khởi do chư thiên. Loại thứ tư có thể được sinh khởi do chư thiên.

Ba loại (Noãn, Đảnh, nhẫn), do nam và nữ đã đạt được, đều có thể tìm thấy ở thân nam hoặc nữ.

Khi do nữ đạt được thì Thế đệ nhất pháp (tức loại thứ tư) sẽ được tìm thấy trong một thân nữ (tức loại thân đang ở hiện tại) và trong một thân nam (tức thân mà phụ nữ này nhất định sẽ đạt được ở đời sống kế tiếp), khi do nam đạt được thì Thế đệ nhất pháp chỉ sẽ được tìm thấy trong một thân nam vì đối với Thế đệ nhất pháp thì sẽ có sự “hủy diệt” tính chất của nữ giới.

Hỏi: Các phần quyết trạch được xả bỏ như thế nào?

Đáp: Thánh giả sẽ xả bỏ các phần quyết trạch khi đánh mất một địa mà ở đó Thánh giả đã đạt được các phần quyết trạch này. Thánh giả không đánh mất các phần quyết trạch khi mạng chung hoặc khi thoái thất. Một địa khi đánh mất là vì phải chuyển sang một địa khác, (chứ không phải là do lìa bỏ địa này).

Đối với dị sinh thì dù có chuyển sang hay không chuyển sang một địa khác cũng sẽ đánh mất các phần quyết trạch khi đoạn trừ chúng đồng phần.

Dị sinh đánh mất hai loại phần quyết trạch đầu tiên vào lúc mạng chung và lúc bị thoái đọa. Thánh giả không bị thoái đọa từ hai loại đầu, và dị sinh thì không bị thoái đọa từ hai loại cuối.

Hành giả nào đã khởi được phần quyết trạch khi tu các tầng thiền căn bản thì ngay trong đời sống này chắc chắn sẽ nhìn thấy được các đế vì sự chán ghét sinh tử rất mãnh liệt ở các hành giả này.

Khi các phần quyết trạch đã bị đánh mất và được lại thì sẽ đắc các phần quyết trạch mới, cũng giống như trường hợp của luật nghi biệt giải thoát, người ta không đắc các phần quyết trạch đã lìa bỏ trước đó. Vì các phần quyết trạch đã không được tu tập thuần thực nên chúng không nhờ vào sự lìa bỏ, và vì do gia hạnh mà tu tập nên một khi đã đánh mất thì không thể được chúng lại.

Nếu hành giả gặp được vị thầy đã đạt được nguyện trí thì sẽ khởi các phần quyết trạch bắt đầu từ loại phần quyết trạch mà người này đánh mất sau khi đã đạt được. Nếu không gặp được thì phải khởi các phần quyết trạch kể từ loại đầu tiên.

Chúng ta đã biết Thánh giả chỉ đánh mất các quyết trạch, nhưng dị sinh thì đánh mất chúng vì bị thoái đọa. Như vậy người ta đã chia thành hai loại là chỉ đánh mất và đánh mất do thoái đọa.

Hỏi: Cả hai sự đánh mất này bao gồm cái gì?

Đáp: Chúng chính là phi đắc. Sự đánh mất do thoái đọa xuất phát từ chính các phiền não, nhưng sự đánh mất thuần túy thì không phải như thế mà lại có thể xuất phát từ một điều tốt, chẳng hạn như sự đánh mất

tánh dị sinh vào lúc khởi được Thánh đạo v.v...

Hỏi: Đạt được các thiện căn này có lợi gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Noãn tất chí Niết bàn
Đỉnh chung bất đoạn thiện
Nhẫn bất đọa ác thú
Đệ nhất nhập ly sanh.*

Dịch nghĩa:

*Noãn ắt đến Niết-bàn
Đảnh không đoạn thiện căn
Nhẫn không đọa cõi ác
Đệ nhất vào “ly sinh”.*

(Noãn ắt đến được Niết-bàn Đảnh rất ráo không đoạn thiện căn. Nhẫn không đọa nẻo ác. Thế đệ nhất pháp nhập được “ly sinh”).

Luận: Bất kỳ ai đạt được Noãn, ngay cả khi đánh mất vì thoái đọa vì đoạn thiện căn tạo nghiệp vô gián đọa vào cõi ác, nhưng lưu chuyển không lâu cuối cùng nhất định sẽ đến được Niết-bàn.

Hỏi: Nếu vậy, sự khác nhau giữa Noãn và thuận phần giải thoát trong trường hợp này là gì? Vì bất kỳ ai trồng được loại thiện căn “dẫn đến Niết-bàn” cũng sẽ đạt được Niết-bàn.

Đáp: Nếu không có chướng ngại thì Noãn gần với kiến đế hơn.

Người nào đã được Đảnh thì cho dù có đánh mất vì thoái đọa cũng không chặt đứt các thiện căn, nhưng họ có thể đi đến các nẻo ác và phạm phải các tội vô gián.

Người nào khi đạt được Nhẫn dù mạng chung xả bỏ việc trụ ở vị dị sanh, nhưng tăng trưởng không thoái lui, dù mạng chung xả bỏ việc trụ ở vị dị sanh, nhưng tăng trưởng không thoái lui, không đi đến các nẻo ác vì người này đã xa rời các hành động và các phiền não dẫn đến các nẻo này.

Đối với người đã đắc Nhẫn thì một số các nẻo, chỗ sinh ra, nơi tái sinh, thân hình, các hữu và các hoặc nào đó sẽ ở vào tình-trạng-không-phải-sinh-khởi: khi nói “các nẻo” là chỉ cho các nẻo ác, chỗ “sinh ra” là Noãn sinh, thấp sinh, sự tái sinh là sự sinh làm chúng sinh Vô tướng, châu Bắc câu lô, Đại phạm, thân hình là hai loại vô tánh và lưỡng tính, hữu là lần tái sinh thứ tám, thứ chín v.v..., các hoặc là phiền não được đoạn trừ do kiến đế.

Sự đoạn trừ này có liên quan đến các mức độ của nhẫn: với loại nhẫn yếu ớt (hạ nhẫn) thì các nẻo ác ở vào tình trạng không sinh khởi...

với loại nhãn mạnh (thượng nhãn) thì tất cả các pháp ác kể trên đều ở vào tình trạng không sinh.

Người đạt được Thế đệ nhất pháp tuy trụ ở dị sanh, nhưng có thể tiến vào chánh Tánh ly sanh.

Các phần quyết trạch được chia làm ba loại vì sự khác nhau của các chủng tánh Hành giả có thể thuộc chủng tánh Thanh văn, Độc giác Phật, hoặc Phật, và Noãn, Đảnh v.v... sẽ thuộc về chủng tánh của hành giả tu tập các pháp này.

Hỏi: Các thiện căn này có thể chuyển hướng đến các chủng tánh khác (dư thừa) không?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Chuyển Thanh văn chủng tánh
Nhị thành Phật tam dư
Lân giác Phật vô chuyển
Nhất tọa thành giác cố.*

Dịch nghĩa:

*Chủng tánh Thanh văn chuyển
Hai ba thiện thành Phật
Độc giác, Phật không chuyển
Một lần ngồi đã giác.*

(Chủng tánh Thanh văn chuyển thành Phật bằng hai thiện căn, thành Phật khác bằng ba thiện căn. Độc giác và Phật không chuyển vì chỉ một lần ngồi là đã giác ngộ).

Luận: Một người thuộc chủng tánh Thanh văn có thể rút ra Noãn và Đảnh từ chủng tánh này mà chuyển thành Phật (Vô thượng chánh giác). Tuy nhiên khi đã đắc nhãn thì lại không thể làm như vậy vì các nẻo ác sắp tới đều bị tiêu diệt vì sự đạt đắc Nhãn này. Các vị Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc cho người khác nên mới đi vào các nẻo ác. Trên đây là giải thích của Tỳ-bà-sa. Chúng tôi sẽ nói một người thuộc chủng tánh Thanh văn, một khi đã đắc nhãn thì không thể thành Phật, vì chủng tánh Thanh văn một khi đã được thâm nhập và xác lập do nhãn thì không còn có thể bị chuyển đổi.

Chữ “khác” (dư) ở trên là để chỉ cho Độc giác Phật. Một người thuộc chủng tánh Thanh văn có thể rút ra ba phần quyết trạch đầu tiên (Noãn, Đảnh, nhãn) từ chủng tánh này mà chuyển thành Độc giác Phật.

Về các phần quyết trạch thuộc chủng tánh của Phật và Độc giác Phật thì chúng không thể được rút ra (vô di chuyển).

Đạo sư, tức chỉ cho Đức Phật. Lân giác, tức tương tự như con lân, là Độc giác Phật. Cả hai chủng tánh này đều nương vào tầng thiền thứ tư vì tầng thiền này là một loại định không còn bị khuấy động và rất mãnh lợi. Chỉ trong một lần ngồi xuống mà không đứng dậy là các vị Phật này đã từ các phần quyết trạch đi đến sự sinh khởi của giác ngộ.

Ở phần sau sẽ thấy được sự giác ngộ này chính là Tận trí và Vô sinh trí.

Có luận sư cho “một lần ngồi” này (nhất tọa) khởi đầu cùng với quán bất tịnh.

Đối với các luận sư Đối pháp vốn thừa nhận sự hiện hữu của các Độc giác Phật có khác biệt với Lân giác, thì việc các Độc giác Phật chuyển đổi chủng tánh của mình không có gì sai trái.

Hỏi: Sự gia hạnh các phần quyết trạch và sự dẫn khởi các phần quyết trạch có thể xảy ra trong cùng một đời này không?

Đáp: Không thể.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Tiền thuận giải thoát phần
Tốc tam sinh giải thoát
Văn, tư thành tam nghiệp
Thực tại nhân tam châu.*

Dịch nghĩa:

*Thuận phần giải thoát trước
Ba đời mới giải thoát
Nghiệp Văn tư tạo thành
Sinh ở người ba châu.*

(Trước đó là thuận phần giải thoát. Qua ba đời mới giải thoát là ba nghiệp do văn tư tạo thành

Được trồng ở ba châu của loài người).

Luận: Trước tiên phải khởi phần giải thoát. Sự gieo hạt, sự tăng trưởng của cây và sự cho quả là ba giai đoạn khác nhau. Trong đạo cũng giống như vậy, thân tương tục nhập đạo, trở nên thuần thực và được giải thoát theo một tiến trình tiệm tiến: trong đời sống thứ nhất là gieo trồng các thiện căn có tên phần giải thoát, trong đời thứ hai là sinh khởi các phần quyết trạch, và đời thứ ba là sinh khởi Thánh đạo.

Theo truyền thuyết phần giải thoát được thành tựu từ văn và tư chứ không phải định (tu).

Hỏi: Có bao nhiêu loại nghiệp có thể làm phần giải thoát?

Đáp: Có ba loại. Chính yếu là ý nghiệp. Nhưng thân nghiệp và

ngữ nghiệp cũng là phần giải thoát khi chúng được bao hàm vì quyết tâm được giải thoát, quyết tâm này chính là một loại tư: khi có nguyện lực giải thoát hỗ trợ cho một thân nghiệp như bố thí, cho một ngữ nghiệp như trì giới thì người ta đã phát khởi được một phần giải thoát.

Chỉ có con người ở ba châu mới có thể phát khởi hoặc trồng được các phần giải thoát. Thật vậy tất cả các sự chán lìa, hoặc trí tuệ, hoặc cả chán lìa và trí tuệ đều xem như không có ở chư thiên, ở chúng sinh bị đọa và con người ở Bắc châu.

Chúng ta đã nhân tiện bàn về các thuận phần giải thoát, nhưng chủ yếu là chúng ta đã giải thích thứ tự quán sát các đế và đã theo sát thứ tự này cho đến Thế đệ nhất pháp. Đến đây cần phải trình bày từ đoạn cuối cùng Thế đệ nhất này còn sinh đạo nào?

Tụng nói: (Âm Hán)

*Thế đệ nhất vô gián
Túc duyên Dục giới khổ
Sinh vô lậu pháp nhãn
Nhãn thứ sinh pháp trí
Thứ duyên dư giới khổ
Sinh loại nhãn loại trí,
Duyên tập diệt đạo đế
Các sinh tử diệt nhiên
Như thị thập lục tâm.
Danh Thánh đế hiện quán
Thứ tổng hữu tam chủng
Vị kiến duyên sự biệt.*

Dịch nghĩa:

*Trực tiếp pháp đệ nhất
Túc duyên khổ Dục giới
Khởi pháp nhãn vô lậu
Nhãn lại sinh pháp trí
Kế duyên khổ cõi khác
Khởi loại nhãn, loại trí
Duyên tập, diệt, đạo đế
Mỗi đế sinh bốn pháp
Mười sáu tâm như thế
Gọi hiện quán Thánh đế
Hiện quán có ba loại
Là kiến, duyên và sự.*

*(Thế đệ nhất pháp trực tiếp
Sinh khởi Pháp nhãn vô lậu
Duyên khổ đế Dục giới
Sau đó pháp nhãn sinh khởi pháp trí
Kế tiếp sinh khởi loại nhãn, loại trí
Duyên khổ đế các giới khác
Khi duyên các đế tập, diệt, đạo
Mỗi đế cũng có bốn pháp như vậy
Mười sáu tâm như thế
Gọi là hiện quán Thánh đế
Hiện quán có ba loại khác nhau
Là kiến, duyên, và sự).*

Luận: Từ Thế đệ nhất pháp liên tục duyên cảnh khổ Thánh Đế của cõi Dục, phát sinh một loại nhãn vô lậu là pháp nhãn. Nói thật chính xác thì đó là một Pháp trí nhãn đi liền ngay sau Thế đệ nhất pháp.

Hỏi: Cảnh nơi đối tượng duyên của pháp trí nhãn là gì?

Đáp: Là khổ của Dục giới, vì thế có tên là khổ pháp trí nhãn.

Để chứng tỏ loại nhãn này là vô lậu người ta đã dựa vào kết quả hay đẳng lưu của nó vốn là một loại pháp trí. Vì thế nhóm từ “Pháp trí nhãn” có nghĩa là một loại nhãn sinh ra một pháp trí, có quả là một pháp trí. Cũng giống như một cây có hoa, có trái thì được gọi là cây hoa (hoa thọ), cây trái (quả thọ).

Loại nhãn này chính là sự nhập vào “sự quyết định”, vì đó là sự bước vào sự nhất định đạt được cái thiện tuyệt đối hay chánh tánh). Cho nên gọi là nhập vào chính tính ly sinh hay cũng gọi là nhập vào chính tính quyết định.

Bước vào sự quyết định được chánh tánh tối-hậu này có nghĩa là đạt đến, là được quyết định này. Một khi sự hoạch đắc sinh khởi thì hành giả trở thành Thánh giả.

Ở giai đoạn vị lai, tức ở trạng thái sẽ sinh, loại nhãn này sẽ làm ngừng lại tính chất dị sinh, vì đã thừa nhận ở vị lai chỉ loại nhãn này mới có được tác dụng này, một tác dụng không thuộc về bất cứ pháp nào khác, cũng giống như ngọn đèn ở vị lai sẽ hủy diệt bóng tối, cũng giống như sinh tướng sẽ làm một pháp vị lai sinh khởi.

Các luận sư khác (chủ trương thứ nhất của Tỳ-bà-sa) cho chính Thế đệ nhất pháp xả bỏ tánh dị sinh. Có người sẽ nói chủ trương này không đúng vì Thế đệ nhất pháp là pháp của dị sinh. Tuy nhiên bác bỏ này không có giá trị vì Thế đệ nhất pháp tương vi với tánh dị sinh:

trường hợp này cũng giống như một người leo lên vai kẻ thù để giết chết kẻ thù này.

Có luận sư khác lại cho rằng tánh dị sinh được xả bỏ là do Thế đệ nhất pháp thế chỗ cho đạo vô gián hoặc do nhân thế chỗ cho đạo giải thoát. Trong trường hợp đầu, tánh dị sinh được đoạn trừ dần dần, trong trường hợp sau tánh dị sinh được đoạn trừ ngay tức khắc.

Ngay sau khổ pháp trí nhân sẽ sinh khởi một pháp trí có đối tượng duyên là khổ đế của Dục giới và có tên là khổ pháp trí.

Tính chất “vô lậu” của loại nhân thứ nhất cũng là tính chất của tất cả các loại theo sau, vì thế loại trí đang được bàn đến cũng có tánh vô lậu.

Giống như một pháp trí nhân và một pháp trí khi sinh khởi đều duyên khổ đế của Dục giới, một nhân và một trí tiếp theo đó cũng sẽ duyên phần còn lại của khổ đế.

Ngay sau khổ pháp trí sẽ sinh khởi một loại trí nhân có đối tượng duyên chung là khổ đế của Sắc giới và Vô sắc giới. Loại nhân này có tên là khổ loại trí nhân. Từ loại nhân này lại sinh ra một loại trí có tên là khổ loại trí.

Pháp trí là sự chứng tri các pháp và sở dĩ có tên như vậy là vì Pháp trí là sự chứng tri đầu tiên về thể tánh của các pháp như khổ v.v... mà hành giả được kể từ vô thủy. Sở dĩ loại trí, tức sự chứng tri kế tiếp, có tên như vậy là vì nó có một pháp trí làm nhân, vì nó cũng chứng tri Thánh đế theo cách giống như pháp trí.

Giống như trường hợp bốn pháp (tức hai nhân và hai trí) khi được sinh khởi đều duyên khổ đế, thì một pháp trí nhân khi được sinh khởi ngay sau khổ loại trí nói trên sẽ duyên tập đế của Dục giới (Tập pháp trí nhân), và từ loại nhân này lại sinh khởi tập pháp trí, và trong chuỗi liên tục sinh khởi nối tiếp nhau như vậy sẽ sinh khởi một loại trí nhân có đối tượng duyên là phần còn lại của tập đế (Tập loại trí nhân), và tiếp theo là tập loại trí.

Kế tiếp sẽ sinh khởi một pháp trí nhân có đối tượng duyên là diệt đế của Dục giới (Diệt pháp trí nhân) và tiếp theo là diệt pháp trí. Kế tiếp sẽ sinh khởi một loại trí nhân có đối tượng duyên là phần còn lại của diệt đế (Diệt loại trí nhân), và tiếp theo là diệt loại trí.

Kế tiếp sẽ sinh khởi một pháp trí nhân có đối tượng duyên là loại đạo đế tương vi với khổ đế của Dục giới, và tiếp theo là đạo pháp trí. Kế tiếp sẽ sinh khởi một loại trí nhân duyên phần còn lại của đạo đế, và tiếp theo là đạo loại trí.

Như vậy, theo thứ tự tiệm tiến trên đây, sự quán sát các Thánh đế (Hiện quán Thánh đế) có tất cả mười sáu tâm.

Có bộ phái khác cho sự quán sát Thánh đế chỉ xảy ra trong cùng một lúc (duy đốn hiện quán), tuy nhiên cần phải nghiên cứu thêm chủ trương này. Ở trên khi nói “hiện quán” (có mười sáu tâm) là vì không nêu ra các điểm sai biệt. Nếu phân tích chi tiết thì hiện quán có đến ba loại là kiến hiện quán, duyên hiện quán và sự hiện quán.

Kiến hiện quán là sự quán sát các đế nhờ vào tuệ vô lậu.

Duyên hiện quán là sự quán sát các đế nhờ vào tuệ vô lậu nói trên và các pháp tương ứng với tuệ này.

Sự hiện quán là sự quán sát các đế nhờ vào tuệ vô lậu nói trên, nhờ các pháp tương ứng với tuệ này, và cũng nhờ các pháp không tương ứng cùng hiện hữu như giới luật, sinh tướng v.v...

Khi hành giả thấy được khổ đế thì đều có đủ cả ba loại quán này đối với khổ đế, nhưng đối với các đế còn lại thì chỉ có loại hiện quán thứ ba (sự hiện quán) vì tập đã đoạn, diệt đã hiện tiền và đạo đã được tu tập (đoạn chứng tu).

Nếu đối với các đế mà dựa vào loại kiến hiện quán để cho chỉ có một loại “đốn hiện quán” thì không đúng, vì hành tướng của các đế rất khác nhau: người ta không thể nhìn thấy tập đế v.v... dưới các hành tướng của khổ đế. Nếu cho có thể nhìn thấy tất cả các đế dưới một hành tướng chung là vô ngã thì sẽ không thể thấy được các đế dưới các hành tướng khổ v.v..., và như vậy sẽ trái với Khế kinh. Kinh nói: “Chư Thánh đệ tử khi quán xét khổ đế là khổ, tập đế là tập, diệt đế là diệt, đạo đế là đạo thì lúc đó đối với họ sẽ có được sự phân biệt các pháp tương ứng với những sự quán xét vô lậu này.”... Nếu cho rằng đoạn kinh trên chỉ nhằm chỉ cho giai đoạn chuẩn bị có trước giai đoạn hiện quán thì cũng không đúng vì ở giai đoạn này chưa có sự quán xét vô lậu. Nếu cho rằng đoạn kinh trên chỉ nhằm chỉ cho giai đoạn tu đạo, tức là giai đoạn tu tập các đế đã được nhìn thấy, thì cũng không đúng vì các đế đều được tu tập theo cách giống như đã được nhìn thấy (như kiến tu).

Nếu cho rằng chỉ có “đốn hiện quán” vì hành giả khi nhìn thấy được một đế tức có được sự thành thực đối với các đế khác, có nghĩa là nhờ thấy được khổ đế nên hành giả đạt được khả năng làm hiện khởi sự nhìn thấy các đế khác mà không cần phải có sự chuẩn bị lần nữa thì chúng tôi cũng đồng ý. Tuy nhiên cần phải xét xem ở trung gian có khởi hay không khởi sự xuất quán.

Nếu cho rằng vẫn có sự thuận nhất của hiện quán vì một khi khổ

đế đã được nhận biết tức tập đế sẽ được đoạn trừ, diệt đế sẽ được chứng hiện và đạo đế sẽ được tu tập thì chúng tôi cũng đồng ý, vì chúng tôi đã nói khi một đế được “nhìn thấy” tức sẽ có loại sự hiện quán hay sự quán sát được xem như là quả đối với ba đế còn lại.

Vấn nạn: Nếu đồng ý với chủ trương trên tức trái với Khế kinh đã dạy chỉ có “tiệm hiện quán”. Chính vì để chỉ cho kiến hiện quán mà kinh dạy chỉ có tiệm hiện quán đối với các đế: “Này người chủ của gia đình (Trưởng giả), hiện quán không phải là đốn mà là tiệm v.v...”. Cả ba kinh đều có các tỷ dụ kèm theo.

Trả lời: Kinh cũng có nói “người nào không có sự mê mờ hoặc sự nghi ngờ đối với khổ đế thì cũng sẽ không có sự mê mờ hoặc sự nghi ngờ đối với Phật”. Vì thế hiện quán không phải là tiệm mà chính là đốn.

Giải thích: Nói như vậy cũng không đúng vì kinh chỉ muốn nói khi đã hiểu được khổ đế thì sự mê mờ hoặc sự nghi ngờ đối với Phật sẽ không còn hiện hành và nhất định sẽ được đoạn trừ.

Hỏi: Trên đây có nói đến mười sáu tâm, vậy mười sáu tâm này nương vào các địa nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Giai dữ Thế đệ nhất
Đồng y u nhất địa.*

Dịch nghĩa:

*Cùng “Thế đệ nhất pháp”
Đồng nương vào một địa.*

(Đều cùng Thế đệ nhất pháp. Nương vào cùng một địa).

Luận: Mười sáu tâm này có cùng địa với Thế đệ nhất pháp. Ở trên đã nói có tất cả sáu địa.

Hỏi: Tại sao nhất định phải có các nhãn và trí thứ tự trước sau xen tạp mà khởi như vậy?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Nhãn, trí như thứ đệ
Vô gián, giải thoát đạo.*

Dịch nghĩa:

*Nhãn, trí theo thứ tự
là vô gián, giải thoát.
(Nhãn và trí, theo thứ tự này
Là đạo vô gián và đạo giải thoát).*

Luận: Không thể ngăn cản nhãn trong việc đoạn trừ sự hoạc đắc

các phiền não, vì thế nhãn chính là con đường không thể ngăn cản được (đạo vô gián).

Ở những người đã thoát khỏi sự hoạc đắc nói trên đối với phiền não thì trí sinh khởi cùng thời với sự đạt được việc xa lìa các phiền não, vì thế trí chính là con đường giải thoát.

Như vậy, nhãn và trí cũng giống như hai hành động: đuổi ăn trộm đi và đóng cửa lại.

Nếu sự đạt được việc xa lìa phiền não chỉ xảy ra cùng với loại nhãn hoặc đạo vô gián thứ hai (khổ loại trí nhãn), thì trí vốn đã đoạn nghi sẽ không thể sinh khởi để duyên các cảnh của đạo vô gián thứ nhất, tức khổ đế của Dục giới.

Hỏi: Nếu phiền não được đoạn trừ là nhờ có nhãn thì điều này có trái với Bản luận khi Bản luận nói “có chín nhóm kết sử” không?

Đáp: Không trái với Bản luận, vì nhãn là các pháp hỗ trợ cho trí, Bản luận đã thêm vào cho trí các tác dụng của nhãn cũng giống như trường hợp có những việc do chính tay các cận thần của nhà vua làm ra nhưng lại nói là nhà vua làm.

Hỏi: Mười sáu tâm trên đều thấy được Thánh đế, như vậy có phải tất cả các tâm này đều là kiến đạo?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tiền thập ngũ kiến đạo
Kiến vị tăng kiến cố.*

Dịch nghĩa:

*Mười lăm tâm, kiến đạo
Thấy điều chưa từng thấy.*

(Mười lăm tâm trước là kiến đạo vì thấy được điều chưa từng thấy).

Luận: Mười lăm sát-na, từ khổ pháp trí nhãn cho đến đạo loại trí nhãn, tạo thành kiến đạo, vì sự nhìn thấy những gì chưa từng được nhìn thấy đã xảy ra liên tục.

Vào sát-na thứ mười sáu thì không còn gì để nhìn thấy đối với những điều trước đây chưa nhìn thấy. Sát-na này tu tập Thánh đế giống như đã được nhìn thấy vì thế đã trở thành một phần của tu đạo.

Hỏi: Chẳng phải chính sát-na thứ mười sáu nhìn thấy sát-na thứ mười lăm, tức Đạo loại trí nhãn, vốn chưa được nhìn thấy trước đó sao?

Đáp: Đúng như vậy. Tuy nhiên điều muốn nói ở đây chính là có biết được đạo đế đã được nhìn thấy hay chưa, chứ không phải là sát-na

(của Thánh đế này) đã được nhìn thấy hay chưa. Sự kiện một sát-na chưa được nhìn thấy không có nghĩa là Thánh đế này chưa được nhìn thấy, cũng giống như trường hợp không thể vì còn một bông lúa chưa được cắt mà nói cánh đồng không được thu hoạch.

Hơn nữa, sát-na thứ mười sáu (Đạo loại trí) là một phần của tu đạo vì:

a. Nó tạo thành một quả.

b. Nó có sự tu tập, tức sự hoạch đắc tám trí và mười sáu hành tướng, (trái ngược với kiến đạo).

c. Nó xả bỏ một loại Thánh đạo.

d. Vì nó thuộc về một chuỗi tương tục.

Vấn nạn: Sát-na thứ mười sáu phải được xem như một phần của kiến đạo vì chắc chắn nó không có sự thoái đạo. Và sự không thoái đạo của nó là do khả năng giúp gìn giữ (nhậm trì) sự đoạn trừ các phiền não được đoạn trừ do kiến đạo.

Giải thích: Nếu vì lý do trên mà cho sát-na thứ mười sáu thuộc về kiến đạo thì điều này sẽ dẫn kết quả phi lý như sau: sát-na thứ mười bảy và các sát-na kế tiếp, và còn cả sự nhìn thấy các Thánh đế ở ngày thứ hai và các ngày kế tiếp, cũng sẽ là kiến đạo vì chúng cũng giúp gìn giữ sự đoạn trừ các phiền não được đoạn trừ do kiến đạo.

Hỏi: Cả tám trí đều nhìn thấy những gì hẳn đã nhìn thấy trước đó, nhưng tại sao chỉ bảy trí đầu tiên là thuộc về kiến đạo?

Đáp: Vì sự nhìn thấy các đế chưa hoàn mãn đều khắp, phải đến sát-na thứ mười lăm thì sự nhìn thấy này mới hoàn mãn. Bảy trí đầu tiên thuộc về kiến đạo vì khi sự nhìn thấy các đế chưa được hoàn mãn thì chúng chỉ khởi ở trung gian, có nghĩa là ở trong tiến trình của kiến đạo hoặc ở giữa hai nhãn.

Trên đây đã nói về sự sinh khởi của kiến đạo và tu đạo. Tiếp theo sẽ nói về những người Bồ-đặc-già-la có các Thánh đạo sinh khởi.

Trong tiến trình của mười lăm sát-na vốn có thể tánh là kiến đạo, có các hàng Thánh giả khác nhau:

Tụng nói: (Âm Hán)

Danh tùy tín pháp hành

Do căn độn lợi biệt

Cụ tu hoặc đoạn nhất

Chí ngữ hướng sơ quả

Đoạn thứ tam hướng nhị

Ly bát địa hướng tam.

Dịch nghĩa:

*Gọi tùy tín, pháp hành
Do căn chậm, nhanh khác
Điều tu hoặc đoạn một
Đến “năm” hướng sơ quả
Đoạn ba hướng nhị quả
Lìa tám địa hướng ba.*

(Gọi là Tùy Tín hành và Tùy Pháp hành vì có căn độn và lợi khác nhau và vẫn còn phiền não thuộc tu đoạn, đoạn một phẩm. Đến năm phẩm thì gọi là hướng sơ quả. Kế đến đoạn ba phẩm gọi là hướng đệ nhị quả. Lìa bỏ tám địa gọi là hướng đệ tam quả).

Luận: Khi đang ở vào các sát-na này, hành giả có các căn chậm chạp được gọi là Tùy Tín hành, hành giả có các căn lanh lợi được gọi là Tùy pháp hành. Ở đây khi nói “căn” là để chỉ cho các căn tín, định v.v...

Tùy Tín hành có nghĩa là sự đi theo nhờ có tín, người có sự theo đuổi này, hoặc người có thói quen làm điều này nhờ có tín được gọi là hành giả Tùy tín, vì trước đó người này đã theo đuổi Thánh đế (có nghĩa là đã có được sự hiểu biết các đế) nhờ vào sự thúc dục của người khác, nhờ sự tin tưởng vào người khác.

Tùy Pháp hành cũng có ý nghĩa tương tự như vậy, tức là sự theo đuổi nhờ có các pháp. Chính nhờ dựa vào các pháp, tức nhờ vào Khế kinh nói về mười hai chi, mà bản thân hành giả đã theo đuổi được Thánh đế trước đó.

Hai hạng Thánh giả này nếu chưa đoạn được các phiền não thuộc về tu đoạn thì sẽ là người đang hướng đến quả đầu tiên. Quả đầu tiên tức là quả của Thánh giả Dự lưu vì Dự lưu chính là quả thứ nhất trong thứ tự đặc quả.

Những người thuộc hạng tùy tín hành và tùy pháp hành nếu trước đó chưa đoạn được một nhóm các phiền não (nhất phẩm) thuộc tu đoạn nhờ vào thế đạo mà vẫn còn bị trói buộc với tất cả các loại trói buộc thì họ được gọi là “người hướng đến quả Dự lưu” (sơ quả hướng) kể từ khi bước vào kiến đạo.

Nếu nương vào thế đạo mà họ vẫn chưa đoạn được nhóm phiền não thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, hoặc thứ năm thuộc tu đoạn của Dục giới thì họ cũng được gọi là “người hướng đến sơ quả” một khi đã bước vào kiến đạo.

Nếu trước đó họ đã đoạn nhóm phiền não thứ sáu, thứ bảy hoặc

thứ tám thì gọi là “người hưởng đến quả thứ hai” (đệ nhị quả hưởng), tức là quả của Thánh giả Nhất lai).

Trong trường hợp: 1. Họ đã tách rời Dục giới nhờ đoạn được nhóm phiền não thứ chín thuộc tu đoạn của Dục giới; 2. Hoặc đã tách rời các giới cao hơn cho tới Vô sở hữu xứ thì gọi là “người hưởng đến quả thứ ba” (đệ tam quả hưởng), tức là quả của Thánh giả Bất hoàn.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Chí đệ thập lục tâm
Tùy tam hưởng trụ quả
Danh tín giải kiến chí
Diệc do độn lợi biệt.*

Dịch nghĩa:

*Đến tâm thứ mười sáu
Tùy ba hưởng trụ quả
Gọi tín giải, kiến chí
Do nhanh, chậm sai biệt.*

(Đến tâm thứ mười sáu trong ba quả, hưởng đến quả nào thì trụ ở quả đó được gọi là Tín giải, Kiến chí cũng do căn độn, lợi khác nhau).

Luận: Vào sát-na thứ mười sáu, hai hàng Thánh giả này không còn mang tên tùy tín hành và tùy pháp hành nữa, họ không còn được gọi là “hưởng đến” mà đã là “người ở trong một quả” (trụ quả), tức những người hưởng đến quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn trước đó nay đã trở thành những người cư trú trong quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn.

Đối với phẩm tánh của A-la-hán thì không thể đạt được một cách trực tiếp - có nghĩa là không thể đắc quả A-la-hán nếu trước đó chưa đắc quả Bất hoàn - vì các phiền não nếu đã thuộc về loại được đoạn trừ vì tu đạo thì không thể được đoạn trừ do kiến đạo và vì không thể lìa bỏ Hữu Đảnh (phi tướng phi phi tướng xứ) nhờ vào thế đạo.

Vào sát-na này hàng Thánh giả độn căn vốn có tên là Tùy tín hành nay được gọi là Tín giải, và hàng Thánh giả lợi căn vốn có tên là Tùy pháp hành nay được gọi là Kiến chí. Khi tín thống ngự (hành giả độn căn) thì hành giả được “thông tri” nhờ vào sự hy vọng này (thắng giải) nên có tên là Tín giải. Khi tuệ thống ngự (hành giả lợi căn) thì hành giả được “thông tri” nhờ vào sự nhìn thấy này (kiến) nên có tên là Kiến chí.

Hỏi: Vào sát-na thứ mười sáu, tại sao hành giả đã đoạn các nhóm phiền não đầu tiên (từ một cho đến năm nhóm) thuộc tu đoạn của Dục giới chỉ trở thành “người trụ quả Dự lưu” mà không phải là “người

hướng đến quả Nhất lai”? Vấn đề trên đây cũng được đặt ra đối với các Thánh giả đã đoạn các nhóm thứ sáu, thứ bảy và thứ tám nhưng vào sát-na thứ mười sáu thì chỉ trở thành những người trụ ở quả Nhất lai chứ không phải là người hướng đến quả Bất hoàn, và cũng được đặt ra đối với các Thánh giả đã đoạn trừ các nhóm phiền não cao hơn nhưng vào sát-na thứ mười sáu cũng chỉ trở thành người trụ ở quả Bất hoàn chứ không phải là người hướng đến quả A-la-hán.

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Chư đắc quả vị trung
Vị đắc thắng đạo quả
Cố vị khởi thắng đạo
Danh trụ quả phi hướng.*

Dịch nghĩa:

*Trong các đoạn đắc quả
Chưa được quả cao hơn
Nên chưa khởi đạo diệu
Gọi trụ quả không hướng.*

(Ở các giai đoạn đắc quả đều không đắc đạo cao hơn quả này. Vì chưa khởi đạo cao hơn nên gọi là “trụ quả” chứ không phải “hướng (hậu)”).

Luận: Lúc đạt được một quả thì không thể đạt được một Thánh đạo cao hơn quả này (thắng quả đạo): như khi đắc quả Dự lưu thì Thánh giả chưa được Thánh đạo của Nhất lai. Vì thế đối với người đang trụ ở một quả thì chừng nào người này còn chưa gắng sức (khởi) tiến bộ cao hơn để được một quả mới có nghĩa là chừng nào người này chưa tu tập loại gia hạnh dẫn đến sự đoạn trừ các phiền não chưa được đoạn trừ đồng thời cũng là nhân cho việc được một quả mới thì người này vẫn chưa phải là “người hướng đến” một quả mới.

Tuy nhiên nếu hành giả đã xả tầng thiền thứ ba (nhờ vào thế đạo) để nhập vào chánh tánh quyết định hoặc kiến đạo bằng cách nương vào một địa thấp hơn tầng thiền này, (có nghĩa là nương vào vị chí tĩnh lực, tầng thiền thứ nhất và thứ hai, trung gian tĩnh lực) thì chắc chắn người này sẽ chứng được một Thánh đạo cao hơn quả. Nếu không phải như vậy thì trong trường hợp tái sinh ở một địa cao hơn (tầng thiền thứ tư hoặc Vô sắc) Thánh giả sẽ không thể được lạc căn.

Trên đây đã giải thích các trường hợp nhập vào kiến đạo, có khi đó là trường hợp bội lìa dục, tức lìa bỏ nhóm phiền não thứ sáu, thứ bảy và thứ tám của Dục giới, có khi đó là trường hợp toàn lìa dục, tức lìa bỏ

nhóm phiền não thứ chín, tiếp theo sẽ nói về sự tu tập dần dần của hành giả. Đối với vấn đề này, cần phải thành lập các điểm sau đây:

Tụng nói: (Âm Hán)

*Địa địa thất đức cửu
Hạ trung thượng các tam.*

Dịch nghĩa:

*Mỗi địa, chín đức, tội
Thượng, trung, hạ ba thứ.*

(Mỗi địa đều có chín lỗi và chín công đức

Ba nhóm hạ, trung, thượng đều có ba loại).

Luận: Mỗi địa, từ địa thấp nhất cho đến Hữu Đảnh, đều có chín nhóm lỗi và chín nhóm công đức. Chín nhóm công đức là chín loại Thánh đạo có khả năng đối trị các khuyết điểm trên, đó là các đạo vô gián và đạo giải thoát.

Có ba nhóm căn bản là yếu (hạ), trung bình (trung), và mạnh (thượng). Mỗi nhóm căn bản lại chia thành yếu, trung bình và mạnh. Như vậy có tất cả chín nhóm: hạ hạ, hạ trung, hạ thượng, trung hạ, trung trung, trung thượng, thượng hạ, thượng trung, thượng thượng.

Loại Thánh đạo hạ hạ có khả năng đoạn trừ loại phiền não thượng thượng, và cứ thế cho đến: loại Thánh đạo thượng thượng lại có khả năng đoạn trừ loại phiền não hạ hạ. Vì loại Thánh đạo thượng thượng không thể sinh khởi ngay từ đầu, và vì không thể có loại phiền não thượng thượng vào lúc đang có loại Thánh đạo thượng thượng. Cũng giống như khi giặt một tấm vải: các vết bẩn dễ thấy được giặt trước và sau đó mới đến các vết li ti, cũng giống như những chỗ tối tăm rộng rãi thì chỉ cần một ánh sáng nhỏ cũng đủ thấy, nhưng những chỗ ngõ ngách tối tăm thì phải cần đến nhiều ánh sáng hơn. Đó là các cách tỷ dụ có thể dẫn chứng.

Một Thánh đạo yếu kém trong một sát-na vẫn có khả năng tận trừ các phiền não đã tăng trưởng do có sự tiếp nối giữa các nhân của chúng trong sự lần lượt từ vô thủy, Thánh đạo này chặt đứt sự đạt được các phiền não vốn tương tự với các căn này vì các pháp “trắng” có lực mạnh nhưng các pháp “đen” thì yếu ớt. Cũng giống như lâu ngày được một ít thuốc hay liền khỏi bệnh, cũng giống như một vùng rộng lớn tối tăm chỉ trong thoáng chốc một luồng ánh sáng nhỏ bé cũng làm cho sự tối tăm tiêu tan.

Tụng nói: (Âm Hán)

Vị đoạn tu đoạn thất

Trụ quả cực thất phần.

Dịch nghĩa:

Chưa đoạn do tu đoạn

Thì tái sinh bảy lần.

(Chưa đoạn các lỗi thuộc tu đoạn thì hành giả trụ quả tái sinh tối đa bảy lần).

Luận: Thánh giả trụ quả nhưng chưa đoạn được một nhóm các phiền não thuộc tu đoạn thì đó là hàng Dự lưu. Thánh giả này vì có thể tái sinh đến bảy lần nhưng không thể nhiều hơn nên nói là “tối đa bảy lần” (cực thất phần). Vì không nhất thiết phải tái sinh đến bảy lần nên mới nói là “tối đa”. Kinh nói “sinh bảy lần là tối đa” (cực thất phần sinh). Ở đây chữ “cực” có nghĩa là “tối đa”.

Trong từ Dự lưu thì lưu có nghĩa là dòng sông, là dòng sông Niết-bàn, là đạo, vì người ta đi được là nhờ có dòng sông. Hành giả khi đã bước vào đó, khi đã đến được đó, thì gọi là “nhập vào dòng sông” (Dự lưu).

Vấn nạn: Làm thế nào để nhập vào đó? Có phải là nhờ đạt được Thánh đạo đầu tiên (sơ đắc đạo)? Nếu như vậy thì trong hai trường hợp bội lìa dục và toàn lìa dục khi đạt được quả đầu tiên mà họ đã đạt được thì họ cũng phải là Dự lưu, tuy nhiên các ông đã nói rõ họ chính là Nhất lai và Bất hoàn.

Giải thích: Hành giả nhập vào dòng sông nhờ đạt được quả thứ nhất, nhưng đó không phải là loại quả mà một Thánh giả nào đó lần đầu tiên có thể đạt được, mà là loại quả người ta đạt được trước tiên trong tiến trình chứng đắc cả bốn Thánh quả.

Vấn nạn: Tại sao Thánh giả thứ tám đã nhập vào dòng sông của Thánh đạo nhưng lại không phải là Dự lưu?

Giải thích: Vì chỉ ở sát-na thứ mười sáu (đạo loại trí) thì mới đạt được: 1. Thánh đạo hướng đến quả gồm mười lăm sát-na (hướng đạo), và quả đạo; 2. Đạt được kiến đạo và tu đạo, vì vào lúc đó hành giả mới quán sát (hiện quán) được “dòng sông”, tức toàn bộ Thánh đạo, trong đó bao hàm cả sát-na thứ mười lăm.

Tỳ-bà-sa nói khi rời khỏi đời sống hiện tại thì Thánh giả Dự lưu sinh trở lại giữa loài người, gồm bảy lần sinh hữu, bảy lần trung hữu, Thánh giả này khi tái sinh vào cõi thiên cũng với số lần như thế. Như vậy sẽ tái sinh cho đến hai mươi tám lần. Tuy nhiên như chúng ta đã biết mỗi chuỗi tái sinh chỉ có bảy lần nên hành giả được gọi là “tái sinh tối đa bảy lần”, cũng giống như một Bí-sô được gọi là “thất xứ thiện”

khi thông thạo được bảy việc, cũng giống như một cây được gọi là “có bảy lá” vì mỗi cành đều mọc bảy lá.

Vấn nạn: Kinh nói: “Tuyệt đối không thể có trường hợp một vị Thánh đã thành tựu được sự nhìn thấy (kiến viên mãn) mà lại có lần sinh thứ tám”. Như vậy đoạn kinh này đã trái ngược với chủ trương của Tỳ-bà-sa?

Giải thích: Không phải như vậy, vì đoạn kinh trên phải được hiểu như thế này: “Thánh giả không có lần sinh thứ tám ở trong cùng một nẻo. Hoặc nếu muốn hiểu theo nghĩa đen của kinh là: “Sau khi chuyển kiếp, sau khi đã trải qua bảy lần ở cõi trời cũng như cõi người, Thánh giả sẽ chứng được sự chấm dứt của khổ”, lẽ ra phải kết luận những lần tái sinh của chư thiên và của con người sẽ không có trung hữu trước đó vì kinh chỉ nói đến trời và người.

Vấn nạn: Nếu có nghĩa là “Thánh giả không có lần sinh thứ tám trong cùng một thú” thì làm sao có thể nói Thánh giả Thượng lưu thuộc loại Cực hữu Đảnh tái sinh tám lần trong cùng một thú?

Giải thích: Tỳ-bà-sa trả lời bản kinh không thừa nhận lần sinh thứ tám là chỉ nhằm để chỉ cho lần sinh thứ tám ở Dục giới.

Tuy nhiên bản kinh nào và lập luận nào có thể chứng minh bản kinh trên chỉ nhằm chỉ cho Dục giới? Và điều gì chứng minh Thánh giả tái sinh bảy lần ở cõi trời, bảy lần ở cõi người mà không phải là chỉ có bảy lần được tánh chung cho cả hai cõi? Vì kinh chỉ nói: “Sau khi tái sinh bảy lần ở cõi trời và cõi người”.

Ấm quang bộ kinh nói: “Sau khi tái sinh bảy lần ở cõi trời, bảy lần ở cõi người”. Vì thế không có lý do gì để cố chấp vấn đề trên.

Thánh giả nào đắc quả Dự lưu ở cõi người sẽ trở lại cõi này để đắc Niết-bàn, Thánh giả nào đắc quả Dự lưu ở cõi trời sẽ trở lại cõi trời để đắc Niết-bàn.

Hỏi: Tại sao hàng Dự lưu không tái sinh lần thứ tám?

Đáp: Vì trong khoảng thời gian này với bảy lần sinh thì chuỗi tương tục nhất định sẽ thành thực. Thể tánh của Thánh đạo là như thế, cũng giống như tính chất của nọc độc của loài “rắn bảy bước” là người bị cắn phải sẽ chết sau khi bước đi được bảy bước, cũng giống như tính chất của bệnh “sốt bốn ngày” là bệnh sẽ trở lại trong suốt bốn ngày.

Thánh giả không đắc Niết-bàn trong khoảng thời gian ít hơn thời gian này vì vẫn còn bảy kết: hai kết thuộc loại hạ phần là dục tham và dục sân khuể, và năm kết thuộc loại thượng phần là hai ái của Sắc giới và Vô sắc giới, trạo, mạn, và vô minh. Vì Thánh giả, mặc dù chứng

được Thánh đạo (của Nhất lai và Bất hoàn), vẫn không thể đắc Niết-bàn ở khoảng thời gian này (trung gian) vì cần phải trả xong lực của các nghiệp trong bảy kiếp này.

Nếu không có Phật vào thời điểm Thánh giả đắc Niết-bàn thì Thánh giả sẽ quả A-la-hán ở nhà, nhưng sau khi đạt được thì không ở lại nhà nữa: nhờ lực của pháp tánh, tức nhờ lực của Thánh đạo A-la-hán hoặc Thánh đạo Vô học, mà Thánh giả có đủ hình tướng của một Bì-sô, có luận sư cho đó là hình tướng của Bì-sô ngoại đạo.

Hỏi: Tại sao Thánh giả Dự lưu được gọi là “không thể rơi vào một nẻo ác”?

Đáp: Vì Thánh giả không tích tập các nghiệp có khả năng làm cho Thánh giả phải thoái đạo, vì đối với loại nghiệp làm thoái đạo mà Thánh giả đã tích tụ xưa kia, thì ngày nay khi Thánh giả đã huân tập các thiện căn cường thịnh nhờ có sự thanh tịnh của đạo hạnh, nhờ có sự thanh tịnh của ý lạc đối với Tam bảo thì Thánh giả không còn bị tác động do sự chín mùi của loại nghiệp này nữa.

Một người nếu đã tích tập loại nghiệp nhất định phải chín ở các nẻo ác thì sẽ không thể nào sinh khởi được nhân hướng hồ là đạo vô lậu. Vì thế có bài tụng viết: “Người ngu dù chỉ phạm một tội nhỏ cũng bị đọa, người trí dù phạm một tội lớn cũng thoát khỏi nẻo ác, một khối sắc dù nhỏ cũng bị chìm, một cái thùng sắc dù lớn cũng có thể nổi”.

Hỏi: Kinh nói: “Dự lưu... làm ra ranh giới cuối cùng của khổ” (tác khổ biên tế). Vậy “khổ biên tế” là gì?

Đáp: Là cái khổ mà ở bên kia của cái khổ này thì không còn khổ nữa, tức hàm ý Thánh giả làm cho cái khổ không còn sinh trở lại được nữa. Hoặc khổ biên tế chính là Niết-bàn.

Hỏi: Nếu vậy làm sao có thể nói “làm ra” Niết-bàn?

Đáp: Vì trừ bỏ được các chướng ngại của Niết-bàn: (những chướng ngại này chính là sự hoạch đắc phiền não. Cũng giống như khi nói: “Hãy tạo thành khoảng trống! Hãy phá sập ngôi nhà”.

Ngoài hàng Dự lưu ra vẫn có trường hợp tái sinh tối đa bảy lần: tức trường hợp của dị sinh có tâm đã thành thực. Tuy nhiên điều này không nhất định: hạng dị sinh này có thể được Niết-bàn ngay từ đời này, hoặc cũng có thể ở trung hữu v.v... vì thế không được nói đến.

